TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HS - ST
Ngày: 17-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Thanh Nhàn
2. Ông Nguyễn Thành Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 31/2024/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST - HS, ngày 02 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất họ và tên: Nguyễn Văn H, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1992; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1963, con bà Bùi Thị Huệ M, sinh năm 1965; anh chị em ruột; 01 người sinh năm 1987; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 12/3/2024 đến ngày 15/3/2024 chuyển tạm giam cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai họ và tên: Nguyễn Minh T, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1997; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Mạnh T1, sinh năm 1978, con bà Trần Thị Bích T2, sinh năm 1980; anh chị em ruột: 01 người sinh năm 2004; vợ Huỳnh Thị Phương T3, sinh năm 1995(đã ly hôn), con 01 người sinh năm 2017; Tiền án: 01: ngày 14/6/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số 31/2021/HSST, bị cáo chấp hành xong bản án ngày 16/5/2022 và thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí; Tiền sự: 02: Ngày 23/10/2023

có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 25/10/2023 Chủ tịch UBND xã T B ra Quyết định số 205 về việc áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là 01 năm (kể từ ngày 25/10/2023); Ngày 27/10/2023 Công an xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 29/01/2024 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 01/02/2024 Chủ tịch UBND xã T B ra Quyết định số 65 về việc áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 04/02/2024 Công an xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh bắt tạm giam ngày 14/5/2024 (bắt ngày 16/5/2024) tạm giam cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1988 (có mặt)
2. Bà Huỳnh Thị Hồng N, sinh năm 1989 (có mặt)

Cùng trú: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Ánh N1, sinh năm 1977 (có đơn yêu cầu vắng mặt)
2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1986 (có đơn yêu cầu vắng mặt)

Cùng trú: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Bùi Thị Huệ M, sinh năm 1965 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Nguyễn Ngọc Anh T4, sinh năm 1996 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà Trần Thị Bích T2, sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: Số C, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Tấn Đ - Cán bộ kỹ thuật Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 09 tháng 3 năm 2024, bị cáo Nguyễn Văn H đến nhà của bị cáo Nguyễn Minh T chơi, thấy có Nguyễn Ngọc Anh T4 là bạn gái của bị cáo T đang nằm ngủ trong phòng. Tại đây, bị cáo H và bị cáo T đi ra phía sau nhà, lúc này bị cáo H kể cho bị cáo T nghe vào ngày 09 tháng 3 năm 2024 trước đó bị cáo H đi bẫy chim ở gần chòi lát của anh Nguyễn Văn A tọa lạc ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo H nhìn thấy hai xe mô tô đậu không người trong coi. Nghe vậy nên bị cáo T và bị cáo H bàn bạc cùng thống nhất vào sáng ngày 10 tháng 3 năm 2024 sẽ lấy trộm hai xe mô tô để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Đến khoảng 06 giờ ngày 10 tháng 3 năm 2024, bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số biển số 52P2 - 9609, màu sơn đen, số khung: SHU803526, số máy: VYAS5HU84YA003526 (xe của bị cáo H) đến chở bị cáo T và T4 qua địa phận thuộc xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Khi đến đầu đường đi vào chòi lát của anh A thì dừng lại (trên đường đi Thư không nghe bàn bạc cũng

không biết việc bị cáo T và bị cáo H đi trộm cắp tài sản). Sau đó, bị cáo H và bị cáo T xuống xe đi bộ vào chòi lát để lấy trộm xe mô tô, còn T4 điều khiển xe mô tô của bị cáo H quay trở về nhà bị cáo T. Khi đến hai bị cáo quan sát không có người trông coi nên bị cáo H lén lúc đi vào chòi lát nhìn thấy chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Exciter móc trên vách căn chòi, bị cáo H lấy chìa khóa đưa cho bị cáo T, còn bị cáo H lấy trộm xe mô tô mang biển số 84K5 – 6147, bị cáo T lấy trộm xe mô tô mang biển số 84B1 - 426.56. Lúc này cả hai bị cáo nổ máy hai xe mô tô điều khiển tẩu thoát về hướng huyện M, tỉnh bến Tre. Bị cáo T điều khiển xe đi trước và trên đường đi dừng lại mở yên xe mô tô mang biển số 84B1 - 426.56 phát hiện có một cái ví da màu xám bên trong có 150.000 đồng, 02 giấy đăng ký xe mô tô; 01 giấy căn cước và 01 giấy phép lái xe cùng mang tên Nguyễn Văn A, bị cáo T lấy tiền và 02 giấy đăng ký xe mô tô còn cái bóp da; 01 giấy căn cước và 01 giấy phép lái xe vứt bỏ ven đường (không nhớ địa điểm cụ thể, nên Cơ quan cảnh sát điều tra không truy tìm được), bị cáo H chạy phía sau, dừng lại mở yên xe xe mô tô mang biển số 84K5 – 6147 phát hiện có một điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu xanh - đen, bị cáo H cất giữ.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo T và bị cáo H điều khiển hai xe mô tô vừa lấy trộm được đến tiệm cầm đồ "Hải Nguyệt" toạ lạc ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre bán cho bà Huỳnh Thị Ánh N1 và chồng là ông Nguyễn Văn D (tiệm cầm đồ do bà N1 làm chủ), với giá 7.500.000 đồng. Bị cáo T trực tiếp nhận tiền từ bà N1 và chia cho bị cáo H số tiền 3.750.000 đồng.

Đến ngày 11 tháng 3 năm 2024, bị cáo H đưa điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu xanh - đen lấy trộm được trước đó cho bà Bùi Thị H2 M là mẹ ruột của bị cáo H để sử dụng, nhưng bà M không sử dụng và trả điện thoại cho bị cáo H, đến ngày 12 tháng 3 năm 2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ. (Bút lục 01 - 08; 121 -108 - 112; 125; 135 ,136; 195 - 206)

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 12/KL-ĐGTS, ngày 12/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh xác định tại thời điểm bị chiếm đoạt: 01 xe mô tô biển số 84B1 - 426.56, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu sơn xanh trắng, số máy: 55P1234974, số khung: RLCE55P10DY234962 có giá là: 9.250.000 đồng và 01 xe mô tô biển số 84K5 - 6147, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVES, màu sơn đỏ, số máy: HC12E1640561, số khung: RLHHC12029Y554720 có giá là: 4.250.000 đồng. (Bút lục 42 - 49)

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 15/KL-ĐGTS, ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh xác định tại thời điểm bị chiếm đoạt: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu xanh-đen, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 355853107336607, số IMEI 2: 355853107336605 có giá là: 800.000 đồng. (Bút lục số: 50 - 57)

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Minh T chiếm đoạt vào ngày 10 tháng 3 năm 2024 là 14.450.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, hai bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Minh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số: 30/CT-VKS-HS ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long đã truy tố hai bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Minh T về tội "*Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Minh T hoàn toàn thống nhất với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long và thừa nhận hành vi phạm tội của hai bị cáo như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long giữ nguyên Quyết định truy tố đối với hai bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố hai bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội trộm cắp tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, V còn đề nghị giải quyết trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và nghĩa vụ nộp án phí theo quy định pháp luật.

Qua quan điểm của V đại diện Viện kiểm sát hai bị cáo không tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh T nói lời sau cùng: Bị cáo H và T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo để hai bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát và hai bị cáo H và T không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Tòa án xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Bà Huỳnh Thị Ánh N1, ông Nguyễn Văn D vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và có ý kiến không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã làm rõ lời khai của những người này. Xét thấy, đương sự vắng mặt tại phiên toà không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, hai bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Minh T khai nhận do không có tiền tiêu xài cá nhân, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại, vào khoảng 06 giờ ngày 10/3/2024 bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Minh T vào chòi lát của ông Nguyễn Văn A và bà Huỳnh Thị Hồng N thuộc ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo H lén lúc lấy trộm trộm xe mô

tô biển kiểm soát 84K5- 6147 và điều khiển đi khỏi vị trí để xe, trên đường đi bị cáo mở yên xe phát hiện có một điện thoại nhãn hiệu Samung Galaxy A10 màu xanh đen, màn hình cảm ứng bị cáo lấy cất giữ. Bị cáo Thanh lén lúc lấy trộm và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84B1- 42656 mở dưới yên có 150.000 đồng lấy cất giữ. Hai bị cáo điều khiển hai xe đến tiệm C toạ lạc ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre bán cho bà Huỳnh Thị ánh N2 và chồng là ông Nguyễn Văn D với giá 7.500.000 đồng. Bị cáo T trực tiếp nhận tiền từ bà N2 và chia cho bị cáo H số tiền 3.750.000. Kết quả định giá, tài sản bị cáo H và bị cáo T chiếm đoạt vào ngày 10/3/2024 có tổng số tiền là 14.450.000 đồng. Lời khai nhận tội của hai bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của hai bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện C thu thập có được. Như vậy, có căn cứ khẳng định hành vi của hai bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Minh T đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: "*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ".*

[5] Do đó, Bản cáo trạng số 30/CT-VKS-HS ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long đã truy tố hai bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Minh T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[6] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, khi thực hiện hành vi phạm tội hai bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội và gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản.

[7] Xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy: Sau khi được H kể cho T nghe vào ngày 9/3/2024 trước đó bị cáo H đi bẫy chim ở gần chòi lát của ông Nguyễn Văn A thì thấy hai xe mô tô để không người trông coi. Nghe vậy bị cáo H và T bàn bạch cùng thống nhất lấy trộm xe để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Hai bị cáo H, T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết, phân công một cách chặt chẽ từ trước, cả hai bị cáo H và T cùng nhau khởi xướng và trực tiếp đi trộm cắp tài sản nên đều là đồng phạm với vai trò cùng là người khởi xướng và thực hành.

[8] *Tình tiết tăng nặng*:

Bị cáo Nguyễn Văn H không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Nguyễn Minh T chấp hành xong hình phạt tại Bản án số 31/2021/HS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2021 vào ngày 16/5/2022 và thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm nhưng chưa hết thời gian xoá án tích

nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[9] *Tình tiết giảm nhẹ*:

Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có thân nhân có công với Cách mạng gồm: ông nội Nguyễn Văn A1 là liệt sĩ, ông ngoại Bùi Văn Đ1 được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. (Bút lục số: 148 - 150)

Bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

[10] *Xét về nhân thân*: Bị cáo H phạm tội lần đầu. Tuy nhiên, bản thân bị cáo có đủ sức khoẻ nhưng không lo làm ăn, vì nhu cầu bản thân không muốn lao động mà muốn hưởng thụ nên thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T có nhân thân xấu, đã 03 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, 02 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính và 01 lần bị đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi gây rối trật tự công cộng nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội.

[11] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục hai bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[12] *Về hình phạt bổ sung*: Xét thấy hai bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[13] Về hành vi của những người liên quan:

- Bà Nguyễn Ngọc Anh T4 đi cùng xe với bị cáo hai H và T nhưng không biết việc hai bị cáo H và T lấy trộm tài sản, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà T4.

- Bà Huỳnh Thị Ánh N1 và ông Nguyễn Văn D khi mua xe mô tô biển số 84K5 – 6147 và xe mô tô biển số 84B1- 426.56 có đầy đủ giấy đăng ký xe và không biết đây là tài sản hai bị cáo H và T lấy trộm mà có, nên hành vi của bà N1, ông D không phạm vào tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Bà Bùi Thị Huệ M là mẹ ruột của bị cáo H không biết điện thoại Samsung Galaxy A10, màu xanh-đen do bị cáo H lấy trộm mà có, bị cáo H đưa điện thoại cho bà M sử dụng nhưng bà không sử dụng mà trả lại cho bị cáo nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà M.

[14] *Về trách nhiệm dân sự:* Cơ quan điều tra đã thu hồi được tài sản hai bị cáo chiếm đoạt gồm xe mô tô mang biển số 84K5 – 6147 và xe mô tô mang biển số 84B1- 426.56, 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 006809, biển số đăng ký: 84K5-6147, mang tên chủ xe Nguyễn Văn A; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 046203, biển số đăng ký: 84B1- 426.56, mang tên chủ xe Nguyễn Văn A; 01 điện thoại nhãn hiệu Samung Galaxy A10 màu xanh đen, màn hình cảm ứng, nên bị hại Nguyễn Văn A và Huỳnh Thị Hồng N xin được nhận lại tài này này và không có yêu cầu hai bị cáo H và T bồi thường. Riêng số tiền 150.000 đồng, 01 giấy căn cước, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn A và cái ví da, bị hại Nguyễn Văn A và Huỳnh Thị Hồng N cũng không yêu cầu hai bị cáo H và T bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét về bồi thường.

Bà Huỳnh Thị Ánh N1, ông Nguyễn Văn D không yêu cầu hai bị cáo hoàn trả số tiền mua xe là 7.500.000 đồng, Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại khác về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố. Do đó, có căn cứ xác định hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[16] *Về vật chứng*: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đối với 01 xe mô tô biển số 84B1- 426.56, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu sơn xanh trắng, số máy: 55P1234974, số khung: RLCE55P10DY234962; 01 xe mô tô biển số 84K5-6147, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE S, màu sơn đỏ, số máy: HC12E1640561, số khung: RLHHC12029Y554720; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 006809, biển số đăng ký: 84K5-6147, mang tên chủ xe Nguyễn Văn A; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 046203, biển số đăng ký: 84B1- 426.56, mang tên chủ xe Nguyễn Văn A và 01 điện thoại nhãn hiệu Samung Galaxy A10 màu xanh đen, màn hình cảm ứng có mật khẩu màn hình khóa đã qua sử dụng là tài sản bị hai bị cáo H và T chiếm đoạt nên trả lại cho bị hại Nguyễn Văn A và Huỳnh Thị Hồng N.

Đối với xe mô tô biển số biển số 52P2 – 9609, màu sơn đen, số khung: 5HU803526, số máy: VYAS5HU84YA003526, xe đã qua sử dụng. Bị cáo H mua của một người không rõ họ tên, địa chỉ ở khu vực ấp T, xã T với giá 1.500.000 đồng, khi mua không có giấy đăng ký xe. Qua tra cứu xe mô tô biển số xe 52P2 – 9609 chủ xe là ông Lê Phước T5, địa chỉ A Hồ N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan cảnh sát điều tra xác minh thực tế ông Lê Phước T5 không có địa chỉ nêu trên. Qua tra cứu dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu truy nã, truy tìm của Bộ C1 xác định xe mô tô biển số 52P2 – 9609 không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng lưu trữ tại Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C1. Xe này bị cáo sử dụng làm phương tiện đi đến ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh trộm cắp tài sản của bị hại Nguyễn Văn A và Huỳnh Thị Hồng N nên tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 đôi dép bằng nhựa, màu xanh, loại dép kẹp đã qua sử dụng; 01 áo thun tay ngắn, màu xanh, trên cổ áo có chữ "POLO", đã qua sử dụng; 01 quần short màu xám, loại quần jean đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A24, màn hình cảm ứng, màu đen, số IMEI 1: 350226698305783, số IMEI 1: 354376248305787, gắn thẻ sim số thuê bao: 0369595957 và thẻ sim số thuê bao 0353163813, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo H không sử dụng vào việc phạm tội, tại phiên tòa bị cáo xin được nhận lại nên trả lại cho bị cáo H.

[17] Ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[18] *Về án phí*: Bị cáo H thuộc diện gia đình có công với Cách mạng (ông nội Nguyễn Văn A1 là liệt sĩ, ông ngoại Bùi Văn Đ1 được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì) nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho bị cáo H được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T không thuộc trường hợp miễn, giảm nộp tiền án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố hai bị cáo: Nguyễn Văn H và Nguyễn Minh T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Căn cứ Điều 268 và Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T mức án 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/5/2024.

2. *Về vật chứng*: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn A, bà Huỳnh Thị Hồng N:

+ 01 xe mô tô biển số 84B1- 426.56, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu sơn xanh trắng, số máy: 55P1234974, số khung: RLCE55P10DY234962;

+ 01 xe mô tô biển số 84K5-6147, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE S, màu sơn đỏ, số máy: HC12E1640561, số khung: RLHHC12029Y554720;

+ 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 006809, biển số đăng ký: 84K5-6147, mang tên chủ xe Nguyễn Văn A;

+ 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 046203, biển số đăng ký: 84B1-426.56, mang tên chủ xe Nguyễn Văn A.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Samung Galaxy A10 màu xanh đen, màn hình cảm ứng có mật khẩu màn hình khóa đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H:

+ 01 đôi dép bằng nhựa, màu xanh, loại dép kẹp đã qua sử dụng;

+ 01 áo thun tay ngắn, màu xanh, trên cổ áo có chữ "POLO", đã qua sử dụng;

+ 01 quần short màu xám, loại quần jean đã qua sử dụng;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A24, màn hình cảm ứng, màu đen, số IMEI 1: 350226698305783, số IMEI 1: 354376248305787, gắn thẻ sim số thuê bao: 0369595957 và thẻ sim số thuê bao 0353163813, đã qua sử dụng.

- Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô biển số biển số 52P2 – 9609, màu sơn đen, số khung: 5HU803526, số máy: VYAS5HU84YA003526, xe đã qua sử dụng.

(Những vật chứng nêu trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long đang quản lý, theo biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 25/6/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long)

3. *Về án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Văn H được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt hai bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh T, bị hại Nguyễn Văn A và Huỳnh Thị Hồng N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Huệ M, Nguyễn Ngọc Anh T4 và Trần Thị Bích T2, báo cho hai bị cáo và đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Ánh N1 và Nguyễn Văn V1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Bị cáo Hữu, Thanh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang